

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HC-ST
Ngày 08 tháng 7 năm 2020
V/v khiếu kiện: “*Quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai
và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hồng Phong và ông Bùi Xuân Vần.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành S - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 40/2019/TLHC-ST ngày 15 tháng 8 năm 2019 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 08/2020/QĐXXST-HC ngày 15/5/20120 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HC ngày 28/5/2020, giữa các đương sự:

1.1. Người khởi kiện: Ông Trần Xuân C, sinh năm 1955 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Xuân C: Ông Đinh Văn S - Luật sư Công ty luật TNHH P - Có mặt.

Địa chỉ: số 285/16 C, phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ; Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện Đ - Có mặt.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: - Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Văn T – Chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã N - Có mặt.

- Bà Lê Thị V - Có mặt, ông Trần Xuân T1 và ông Trần Văn T2;

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1, ông T2: Ông Trần Xuân C - Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn H – Chức vụ: Giám đốc Bưu điện tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Địa chỉ: Số 25 H, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

- Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình P1 – Chuyên viên Ban pháp chế Thanh tra của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam - Có mặt.

Địa chỉ: 57 H, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của người khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Khoảng năm 1988, gia đình ông Trần Xuân C có khai hoang được diện tích đất 7ha ($70.000m^2$) đất thuộc tiểu khu 656 của Lâm trường T. Đến năm 1992 gia đình ông C với Lâm trường T có ký hợp đồng kinh tế về việc giao khoán đất rừng. Theo đó ông có nhận khoán rừng và đất rừng với tổng diện tích 77ha đất thuộc tiểu khu 656 của Lâm trường T, trong đó có 7ha đất trống ông đã khai phá trước đó để bảo vệ và sản xuất kinh doanh.

Quá trình quản lý và sử dụng đất ổn định từ trước năm 1988, không bị cơ quan Kiểm lâm xử phạt hành chính về hành vi vi phạm đất rừng. Thời điểm gia đình ông khai hoang 7ha này là đất cỏ tranh, rừng le, không có cây gỗ. Sau khi khai hoang thì ông có trồng 500 cây Điều trên tổng diện tích 3ha và 450 cây mít, phần còn lại thì làm nhà, trồng lúa và ngô để phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình.

Đến ngày 22/02/1993, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ1 (cũ) có Quyết định số 19/QĐ-UBND giao $3.000m^2$ đất trong tổng diện tích 7ha đất nêu trên của gia đình ông cho Bưu điện tỉnh Đắk Lắk xây dựng công trình Viba nội tỉnh. Trong quyết định có ghi “Đơn vị được giao đất phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về đất và cây trồng trên đất theo đúng chính sách của Nhà nước quy định”. Tuy nhiên, khi thu hồi UBND huyện Đ1 (nay là UBND huyện Đ) không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, cụ thể là không có Quyết định thu hồi diện tích đất trên của gia đình ông mà vẫn lập biên bản lấy đất và không bồi thường công tôn tạo đất, tài sản, cây trồng trên đất.

Ngày 07/10/1998, UBND tỉnh Đắk Lắk tiếp tục ban hành Quyết định số 2276/QĐ-UBND về việc giao $4.900m^2$ của gia đình ông trong tổng số 7ha trên cho UBND xã Đ, huyện Đ1 để xây dựng trụ sở và cũng không thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông.

Đến ngày 27/10/2000 UBND tỉnh Đắk Lắk tiếp tục ban hành Quyết định số 2791/QĐ-UBND về việc giao $3000m^2$ của gia đình tôi trong tổng diện tích 7ha nêu trên cho Bưu điện tỉnh Đắk Lắk để xây dựng trụ sở Bưu điện và cũng không thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông. Ngày 21/8/2002, UBND tỉnh Đắk Lắk tiếp tục ban hành Quyết định số 2279/QĐ-UBND về việc lấy $5.225m^2$ đất của gia đình ông giao cho Trường TH N để xây dựng trường học và cũng không thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ

cho gia đình ông. Diện tích đất còn lại thì được san ủi làm đường dân sinh và một số hộ dân đã lấn chiếm.

Do không còn chỗ ở nào khác, hơn nữa diện tích đất làm Trạm Viba gia đình ông C đã xây dựng nhà khu vực đất này. Đến năm 2013, Trạm Viba đã dời đi nơi khác thì một phần diện tích đất này đang do cơ quan Viễn thông dùng làm trụ sở, phần còn lại không sử dụng để hoang hóa nên gia đình ông tiếp tục quản lý và sử dụng để làm nhà sinh sống thì xảy ra tranh chấp giữa gia đình ông với Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam nhưng sau đó vụ án đã được đình chỉ. Cụ thể, trên diện tích đất này gia đình ông đã xây dựng hơn 06 căn nhà xây cấp IV và các công trình phụ trợ khác. Sau khi xây dựng thì gia đình ông vẫn sinh sống và không bị ai tranh chấp, không bị cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền nào lập biên bản cũng như ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nào về hành vi lấn chiếm đất hành lang an toàn giao thông và hành vi xây dựng trái phép trên diện tích đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

Ngày 12/12/2018, Đoàn cưỡng chế do UBND xã N đã dùng lực lượng và máy móc đã cưỡng chế, đập phá nhà cửa cũng như thu giữ toàn bộ tài sản của gia đình ông. Sau đó ông được biết do Chủ tịch UBND huyện Đ đã ban hành các quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1155/QĐ-CCXP; số 1156/QĐ-CCXP; số 1157/QĐ-CCXP và số 1158/QĐ-CCXP ngày 14/11/2018; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 597/QĐ-XPVPHC ngày 22/5/2019 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 678/QĐ-CCXP ngày 11/6/2019 để xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế các công trình xây dựng của ông về hành vi lấn chiếm đất hành lang an toàn giao thông, xây dựng trái phép trên diện tích đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

Do đó, ông C cho rằng Chủ tịch UBND huyện Đ đã ban hành các quyết định hành chính nêu trên là trái với quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến tài sản, tinh thần của gia đình ông. Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông giải quyết tuyên hủy các quyết định gồm: Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1155/QĐ-CCXP; số 1156/QĐ-CCXP; số 1157/QĐ-CCXP và số 1158/QĐ-CCXP ngày 14/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đ; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 597/QĐ-XPVPHC ngày 22/5/2019 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 678/QĐ-CCXP ngày 11/6/2019 của Chủ tịch UBND huyện Đ và yêu cầu UBND huyện Đ bồi thường thiệt hại do đã cưỡng chế phá bỏ tài sản của gia đình ông với số tiền 1.100.000.000đ (*Một tỷ một trăm triệu đồng*).

Đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện trình bày:

Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1155/QĐ-CCXP; số 1156/QĐ-CCXP; số 1157/QĐ-CCXP và số 1158/QĐ-CCXP ngày 14/11/2018; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 597/QĐ-XPVPHC ngày 22/5/2019 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 678/QĐ-CCXP ngày 11/6/2019 trên cơ sở căn cứ vào Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 22/2/1993 của UBND huyện Đ về việc giao đất xây dựng công trình Viba nội tỉnh; căn cứ vào Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 23/8/2006 của UBND huyện Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Xuân C;

căn cứ vào Quyết định số 230/QĐ-CTUBND ngày 114/2/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về việc giải quyết nội dung khiếu nại của ông Trần Xuân C; căn cứ vào các Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 21/11/2011, Biên bản vi phạm hành chính số 09/BB-VPHC ngày 19/10/2015 và Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 09/BB-XM ngày 31/5/2018, Biên bản vi phạm hành chính số 14/BB-VPHC ngày 30/8/2016 và Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 10/BB-XM ngày 31/5/2018, Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 09/3/2017 và Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 11/BB-XM ngày 31/5/2018, Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 22/01/2018 và Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 12/BB-XM ngày 31/5/2018, Biên bản vi phạm hành chính số 21/BB-VPHC ngày 24/10/2018, Biên bản vi phạm hành chính số 11/BB-VPHC ngày 13/5/2019 và Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 11/BB-XM ngày 31/5/2018 của UBND xã N; các Quyết định số 1004, 1005, 1006/QĐ-KPHQ ngày 15/10/2018 của UBND huyện Đ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Do đó, việc ban hành các quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 04/12/2018, UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 1279/QĐ-UBND về việc thành lập đoàn cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, trên cơ sở đó, giao cho UBND xã N tiến hành cưỡng chế các công trình xây dựng trái phép của ông Trần Xuân C. Về trình tự, thủ tục cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể, đã căn cứ vào các Điều 28, Điều 86, Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. Theo đó đã tiến hành cưỡng chế 6 công trình xây dựng trên đất của ông C xây dựng trên đất (đã được giao cho trạm Vibra), nhưng do hộ ông C không còn chỗ ở nào khác nên đã để lại 2 công trình vi phạm cho hộ ông C sử dụng trong thời hạn 06 tháng để tìm chỗ ở khác. Sau khi hết 06 tháng thì UBND huyện Đ tiếp tục tiến hành cưỡng chế.

Do vậy, căn cứ Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành thì Chủ tịch UBND huyện Đ đã ban hành các quyết định nêu trên là đảm bảo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, phạm vi và đối tượng, sự việc đã được nhiều cơ quan chuyên môn có thẩm giải quyết. Nay ông C khởi kiện các quyết định hành chính nêu trên và yêu cầu bồi thường thiệt hại là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân C.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: - Bà Lê Thị V: Đồng ý với toàn bộ ý kiến của ông C. Đối với nội dung yêu cầu bồi thường thiệt hại thì không có yêu cầu độc lập. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

- Ông Trần Xuân T1 và ông Trần Văn T2 trình bày: Vào khoảng tháng 3/2017 ông Trần Xuân T1 cùng em trai là ông Trần Xuân T2 và bố là ông Trần Xuân C có góp tiền xây dựng một dãy khoảng 4 căn nhà. Ông T1 cùng ông T2 đã bỏ tiền ra mua vật liệu để xây còn chi phí đổ đất, san nền và tiền công xây dựng là do ông C bỏ tiền ra trả. Tổng cộng số tiền hai ông bỏ ra khoảng 341.865.000 đồng. Quá trình xây dựng và sinh sống không có tranh chấp với ai, không bị cơ quan hành chính nào cưỡng chế và lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm đất hành lang an toàn giao thông cũng như hành vi xây dựng trái phép trên diện tích đất phi nông nghiệp không phải là đất ở. Năm 2018, đoàn cưỡng chế của UBND xã N đã đến đập phá 04 căn nhà trên trong đó có 1 căn do ông T1 quản lý và 1 căn do ông T2 quản lý, 2 căn nhà còn lại là do ông C quản lý. Ông T1 và ông T2 không biết cơ quan chức năng đã lập biên bản từ lúc nào nhưng tài sản của các ông đã bị cưỡng chế, tháo dỡ là vi phạm đến quyền lợi của các ông. Các ông cho rằng việc Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1157/QĐ-CCXP ngày 14/11/2018 là trái quy định của pháp luật, từ việc trái quy định của pháp luật nên dẫn đến việc cưỡng chế phá dỡ tài sản của gia đình, làm thiệt hại đến tài sản, tinh thần của gia đình. Do đó ông T1 và ông T2 yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1157/QĐ-CCXP ngày 14/11/2018 và buộc UBND huyện Đ bồi thường cho ông T1, ông T2 tổng số tiền 341.865.000 đồng. Tuy nhiên về yêu cầu hủy quyết định hành chính nêu trên và bồi thường số tiền thiệt hại này ông T1 và ông T2 không yêu cầu độc lập vì do bố là ông C đã khởi kiện và đồng ý với lời trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện của ông C.

- Đại diện theo ủy quyền của UBND xã N trình bày: Ủy ban nhân dân xã N đã chấp hành và thực hiện theo các văn bản chỉ đạo của UBND huyện Đ và tiến hành việc lập các biên bản vi phạm hành chính cũng như tiến hành cưỡng chế đảm bảo đúng theo các quy định của pháp luật. Việc ban hành các quyết định cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả thì UBND xã N không đủ thẩm quyền và không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

- Đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam trình bày: Ngày 27/10/2000, UBND tỉnh Đắk Lắk có Quyết định số 2791/QĐ-UBND về việc “cho Bưu điện tỉnh Đắk Lắk thuê 300m² đất để xây dựng Bưu điện văn hóa xã Đ”. Việc giao đất và sử dụng đất hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi có quyết định giao đất, Bưu điện tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành xây dựng điểm bưu điện VHX Đ. Ngày 20/8/2003 đã được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp GCNQSDĐ số W866949. Hiện tại công trình xây dựng và diện tích đất này do Bưu điện tỉnh Đắk Nông quản lý và sử dụng (sau khi tách tỉnh) liên tục và ổn định đến thời điểm ông C đã có hành vi lấn chiếm phần đất phía sau của Bưu điện VHX là khoảng 44m², Bưu điện tỉnh Đắk Nông đã liên hệ làm việc với ông C nhiều lần nhưng không giải quyết được. Các tài liệu, chứng cứ và cơ sở pháp lý về quyền sử dụng đất phía Bưu điện đã cung cấp đầy đủ. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đại diện theo ủy quyền của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) trình bày: Sau khi nhận thừa đất theo quyết định giao đất số 19/QĐ-UBND ngày 22/2/1993 của UBND Đ để xây dựng công trình Viba nội tỉnh (Diện tích 3.000m²

, ngang mặt đường là 50m và dài 60m) thì Tổng Công ty Bưu chính Viễn Thông (nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam) đã tiến hành xây dựng 300m² nhà, tường rào bao quanh toàn bộ khu đất và lắp đặt các thiết bị trạm Viba theo đúng quy định và sử dụng đất đến nay. Hàng năm, Tập đoàn đều thực hiện đóng thuế theo quy định của pháp luật trên diện tích 3.000m² (có bản sao chứng từ nộp thuế đất kèm theo). Năm 2014 ông C đã lấn chiếm, đập phá tường rào khoảng 30m mặt đường theo Quốc lộ 14 để xây dựng nhà trái phép. Sau đó phía Tập đoàn cũng đã đề nghị chính quyền địa phương can thiệp và xử lý theo quy định của pháp luật về hành vi lấn chiếm đất của ông C.

Thửa đất tại trạm Viba (nay gọi là trạm Viễn Thông) N được UBND huyện Đ1 giao năm 1992 thuộc quyền quản lý và sử dụng của Tập đoàn. Từ khi Tập đoàn sử dụng đến nay chưa có bất cứ khiếu nại nào liên quan đến quyền sử dụng đất này. Việc ông C tự ý xây dựng trái phép trên diện tích do Trung tâm Viễn thông Đ quản lý thì đơn vị đã có nhiều văn bản gửi tới cơ quan chức năng giải quyết. Hành vi xây dựng và lấn chiếm trái phép trên diện tích đất thuộc quyền quản lý của Tập đoàn là đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Tập đoàn. Việc UBND huyện Đ đã ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với hộ ông Trần Xuân C là đúng quy định. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên các quyết định hành chính. Hôm nay, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa hôm nay , người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện có ý kiến không nhất trí với yêu cầu của người khởi kiện, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Xuân C tại phiên tòa trình bày: Việc ông C xây dựng nhà trên đất đã giao cho Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam nhưng Tập đoàn lại không thực hiện đúng việc bồi thường, hỗ trợ tiền đất cho ông C vì nguồn gốc sử dụng đất này là do ông C tự khai hoang. Việc ông C xây dựng các căn nhà cấp IV trên đất nông thôn thì không cần phải xin phép. Do đó, việc ban hành các quyết định nêu trên của Chủ tịch UBND huyện Đ là trái quy định của pháp luật. Đối với diện tích đất xây dựng nằm trong lộ giới giao thông thì việc xử phạt của UBND huyện Đ là đúng nhưng đây là do sự quản lý yếu kém của UBND huyện Đ để cho các hộ dân lấn chiếm, xây dựng đất dành cho hành lang an toàn giao thông. Đối với phần xây dựng trong diện tích giao cho Tập đoàn thì đây là tranh chấp về dân sự, không phải do UBND quản lý và UBND cũng không giải quyết mà sẽ do Tòa án giải quyết. Do đó không thể xử phạt ông C làm nhà và các công trình trên đất tranh chấp với Tập đoàn. Từ những căn cứ nêu trên, đề nghị HĐXX xem xét hủy các quyết định nêu trên và đồng thời buộc UBND huyện Đ phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, việc ban hành các văn bản như thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự lấy lời khai, làm bản tự khai, tổ chức đối thoại, quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng trình tự, đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính, việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo về mặt thời gian theo quy định tại Điều 147 Luật tổ tụng hành chính. Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính. Tại phiên toà hội đồng xét xử chấp hành tốt các quy định của Luật tổ tụng hành chính như: mở phiên toà đúng thời gian, địa điểm ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, xét xử đúng về mặt hình thức, tổ chức thực hiện đúng nội quy phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử và thư ký Toà án có mặt đúng thành phần, tiến hành đúng trình tự, thủ tục quy định Luật tổ tụng hành chính. Người khởi kiện, người bị kiện thực hiện đúng quy định Luật tổ tụng hành chính, tuân thủ đúng nội quy phiên toà.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng và đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng Hành chính, bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: [1.1]. Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Xuân C khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy các quyết định gồm: Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1155/QĐ-CCXP; số 1156/QĐ-CCXP; số 1157/QĐ-CCXP và số 1158/QĐ-CCXP ngày 14/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đ (gọi tắt là quyết định số 1155, 1156, 1157, 1158); Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 597/QĐ-XPVPHC ngày 22/5/2019 (gọi tắt là quyết định số 597) và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 678/QĐ-CCXP ngày 11/6/2019 của Chủ tịch UBND huyện Đ (gọi tắt là quyết định số 678) và yêu cầu UBND huyện Đ bồi thường thiệt hại do đã cưỡng chế phá bỏ tài sản của gia đình ông với số tiền 1.100.000.000 đồng. Xét thấy đây là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông theo quy định tại Điều 7, khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 14/11/2018 Chủ tịch UBND huyện Đ đã ban hành các quyết định số 1155, 1156, 1157, 1158. Ngày 22/5/2019 Chủ tịch UBND huyện Đ đã ban hành quyết định số 597 và ngày 11/6/2019 Chủ tịch UBND huyện Đ đã ban hành quyết định số 678. Ngày 29/5/2019 và ngày 25/6/2019 ông Trần Xuân C có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông là đang trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 116 Luật tổ tụng Hành chính.

[1.3]. Về việc nhập vụ án hành chính: Ngày 20/12/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã ban hành quyết định số 02/QĐST-HC về việc nhập 5 vụ án hành chính

sơ thẩm thụ lý số 34/2019/TLST-HC ngày 25/6/2019 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai và Yêu cầu bồi thường thiệt hại*”; các vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 39,40,41 và 42/2019/TLHC-ST ngày 15 tháng 8 năm 2019 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” thành 1 vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 40/2019/TLHC-ST ngày 15 tháng 8 năm 2019 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Xét thấy việc nhập các vụ án hành chính trên thành 1 vụ án là đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 35 Luật tổ tụng hành chính vì trong 5 vụ án chỉ có một người khởi kiện đối với các quyết định hành chính khác nhau của cùng một cơ quan ban hành, các quyết định này có mối quan hệ mật thiết với nhau. Việc nhập vụ án là cần thiết để đảm bảo việc xét xử được nhanh chóng, hiệu quả và giải quyết triệt để vụ án.

[2]. Về nội dung: Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khởi kiện, xét thấy:

[2.1]. Về thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện: Căn cứ Điều 208 Luật đất đai năm 2013, điểm d khoản 2 Điều 86; khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì Chủ tịch UBND huyện Đ có thẩm quyền ban hành Quyết định cưỡng chế đối với cá nhân vi phạm không tự nguyện chấp hành yêu cầu biện pháp khắc phục hậu quả khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm. Mặt khác, các quyết định hành chính số 1155, 1156, 1157, 1158, 597, và 678 do Phó Chủ tịch UBND huyện Đ ký ban hành trên cơ sở quyết định giao quyền của Chủ tịch UBND huyện Đ là đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 54 Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 6 Điều 5 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

[2.2]. Về trình tự, thủ tục, hình thức và nội dung ban hành các quyết định cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả số 1155, 1156, 1157, 1158, 678 và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 597. HĐXX xét thấy: Để đánh giá các quyết định hành chính nêu trên có đúng quy định của pháp luật hay không thì cần phải xem xét về nguồn gốc diện tích đất tại vị trí cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Cụ thể:

Theo như lời trình bày của ông Trần Xuân C thì vào khoảng năm 1988 gia đình ông có khai hoang được diện tích đất 07ha (70.000m²) đất thuộc tiểu khu 656 của Lâm trường T, sau khi khai phá thì gia đình, trồng cây, ông sử dụng ổn định, không bị cơ quan có thẩm quyền nào xử phạt vi phạm hành chính cũng như không tranh chấp với ai. Tuy nhiên theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hồ sơ giao đất giao rừng và Biên bản xác minh tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, Sơ đồ khu vực thu hồi của Lâm trường T giao cho UBND huyện Đ quản lý theo Quyết định số 197/QĐ-UB ngày 15/01/2003 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì diện tích 3.000m² đất mà UBND huyện Đ1 giao cho Bưu điện tỉnh Đắk Lắk (trước đây) theo Quyết định số 19/QĐ-UB ngày 22/02/1993 để xây dựng công trình Viba nội tỉnh và diện tích 300m² mà UBND tỉnh Đắk Lắk giao cho Bưu điện tỉnh Đắk Lắk thuê 300m² để xây dựng Bưu điện văn hóa xã Đ (cũ) theo Quyết định số 2791/QĐ-UB ngày 27/10/2000 thì đều thuộc tiểu khu 656, nay là tiểu khu 1125.

Mặt khác, ông C cho rằng ông đã khai phá diện tích đất nêu trên tại tiểu khu 656 từ năm 1988 nhưng theo Đơn xin nhận khoán rừng, đất rừng để quản lý, bảo vệ sản xuất kinh doanh của ông Trần Xuân C ngày 20/12/1992 thì ông C đã xin nhận 70ha rừng và 7ha nương rẫy tại tiểu khu 656 do Lâm trường T quản lý để bảo vệ, sản xuất kinh doanh (Bl 09 tập 1). Ngày 20/12/1992 thì giữa ông C và Lâm trường T có xác lập Hợp đồng kinh tế về việc giao rừng, đất rừng để bảo vệ, sản xuất, kinh doanh. Theo đó, Lâm trường T đã giao cho ông C 77ha đất, trong đó có 70 ha đất rừng và 07 ha đất trống tại tiểu khu 656 thuộc lâm trường T quản lý (có sơ đồ lô đất kèm theo), sau đó 2 bên tiến hành thanh lý hợp đồng. Như vậy, toàn bộ diện tích đất 07ha ông C cho rằng ông đã khai hoang thì đều thuộc tiểu khu 656 và thời điểm đó đều do Lâm trường T quản lý trước khi có quyết định thu hồi. Hơn nữa, tại Biên bản làm việc ngày 23/8/1994, giữa Bưu điện tỉnh Đắk Lắk và ông C có tiến hành lập biên bản làm việc để giải quyết đất đai bảo vệ an toàn trạm Viba Đ, ông C đã ký vào biên bản và có ghi ý kiến “đề nghị xem xét bồi thường một phần nào tiền thuê máy ủi 1.000.000 đồng và 2.000.000 đồng bồi thường quá trình quản lý, bảo vệ đất”. Bưu điện tỉnh Đắk Lắk đồng ý bồi thường 200.000 đồng tiền quản lý, bảo vệ đất và ông C đã nhận số tiền trên và đồng ý di dời đi nơi khác. Mặt khác, từ năm 1992, 1998, 1999 và năm 2000 Nhà nước đã giao đất cho các cơ quan, tổ chức để xây dựng trụ sở làm việc và thu hồi phần đất còn lại giao cho UBND huyện Đ quản lý thì ông C cũng không khiếu nại gì về việc đòi lại đất cũng như bồi thường cây cối, hoa màu.

Đến ngày 15/5/2006 ông C có làm đơn khiếu nại đề nghị được trả tiền công khai hoang đất tại khu vực trụ sở HĐND và UBND xã Đ đến Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm (thuộc tiểu khu 1125) thì được UBND huyện Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số: 794/QĐ-UBND ngày 23/8/2006 với nội dung bác toàn bộ khiếu nại của ông C. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 của UBND huyện Đ ông tiếp tục khiếu nại lần 2 lên Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông. Tại quyết định giải quyết khiếu nại số 230/QĐ-CTUBND ngày 14/02/2007, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông đã không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Trần Xuân C và giữ nguyên quyết định số 794/QĐ-UBND của UBND huyện Đ. Cũng tại quyết định có nội dung “Ông Trần Xuân C không đồng ý thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của pháp luật”. Tuy nhiên sau đó ông C không thực hiện quyền khởi kiện vụ án hành chính là đã từ bỏ quyền khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích của mình, tính đến nay cũng đã hết thời hiệu khởi kiện.

Như vậy, diện tích đất trên đang thuộc quyền quản lý, sử dụng của Bưu điện tỉnh Đắk Lắk (nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và Tổng công ty Bưu điện Việt Nam), Quá trình giải quyết khiếu nại, kiến nghị tại UBND các cấp từ năm 2006 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án ông C cũng không đưa ra được các giấy tờ, tài liệu chứng cứ gì chứng minh mình có quyền sử dụng đất hợp pháp và cơ sở pháp lý về việc xây dựng các công trình trên đất hợp pháp. Việc ông Trần Xuân C đã có hành vi lấn chiếm đất phi nông nghiệp không phải là đất ở theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và hành vi lấn chiếm đất hành lang an toàn giao thông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 12 Nghị định số 46/2016NĐ-CP ngày 26/5/2016 của

Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt nên UBND xã N đã lập các biên bản về các hành vi này, cụ thể: Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 21/11/2011, Biên bản vi phạm hành chính số 09/BB-VPHC ngày 19/10/2015, Biên bản vi phạm hành chính số 14/BB-VPHC ngày 30/8/2016, Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 09/3/2017, Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 22/01/2018, Biên bản vi phạm hành chính số 21/BB-VPHC ngày 24/10/2018 để yêu cầu ông C phải tự tháo dỡ công trình vi phạm, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do hành vi vi phạm hành chính đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65, khoản 2 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính nên ngày 14/11/2018 Chủ tịch UBND huyện Đ đã ban hành các Quyết định số 1155, 1156, 1157, 1158 để cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là thực hiện đúng trình tự, thủ tục, hình thức quy định tại khoản 1 Điều 38; Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 3, 5, 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số 11/BB-VPHC ngày 13/5/2019, Chủ tịch UBND huyện Đ đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 597/QĐ-XPVPHC và Quyết định số 678/QĐ-CCXP ngày 11/6/2019 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đảm bảo đúng quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 18, Điều 28, Điều 86, Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính, Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

[2.3]. Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông C, HĐXX xét thấy: Như đã phân tích và nhận định tại mục [2.1], [2.2], việc Chủ tịch UBND huyện Đ đã ban hành các quyết định hành chính đối với ông Trần Xuân C là thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và nội dung theo quy định của pháp luật nên không phát sinh trách nhiệm bồi thường Nhà nước nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông C.

[3]. Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân C, xét quan điểm bảo vệ của luật sư là không có căn cứ chấp nhận. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4]. Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân C nên xét thấy cần hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời 534/2019/QĐ-BPKCTT ngày 06/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá tài sản: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Trần Xuân C phải chịu 21.465.000 đồng, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng theo phiếu thu ngày 04/12/2019 và ngày 22/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

[6]. Về án phí hành chính sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Xuân C là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Xuân C.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 7, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 35, Điều 66, Điều 67, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật tổ tụng Hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 208 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 18, Điều 28, khoản 1 Điều 38, Điều 54, điểm c khoản 1 Điều 65, khoản 2 Điều 66, điểm d khoản 2 Điều 86 và khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 6 Điều 5 và Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 3, Điều 5 và Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; điểm a khoản 4 Điều 12 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân C đối với yêu cầu hủy các Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 1155/QĐ-CCXP; số 1156/QĐ-CCXP; số 1157/QĐ-CCXP và số 1158/QĐ-CCXP cùng ngày 14/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 597/QĐ-XPVPHC ngày 22/5/2019 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 678/QĐ-CCXP ngày 11/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của ông Trần Xuân C đối với Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông do đã cưỡng chế phá dỡ tài sản của gia đình ông với số tiền 1.100.000.000đ (*Một tỷ một trăm triệu đồng*).

3. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 534/2019/QĐ-BPKCTT ngày 06-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Xuân C phải chịu 21.465.000 đồng (*Hai mươi một triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền 22.420.000 đồng (*Hai mươi hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) ông C đã nộp tạm ứng theo phiếu thu ngày 04/12/2019 và ngày 22/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông. Hoàn trả cho ông Trần Xuân C số tiền 955.000 đồng (*Chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng*). Ông Trần Xuân C đã nhận lại đủ số tiền dư theo Biên bản giao nhận ngày 23/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

5. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí hành chính sơ thẩm đối với ông Trần Xuân C.

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THA DS tỉnh Đắk Nông;
- UBND tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Lê Quốc Hương